

Bản án số: 12/2024/KDTM-ST
Ngày: 27-9-2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thức

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 46/2023/TLST- KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2024/QĐST-KDTM ngày 16/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần X (Sau đây viết tắt là Công ty X); Địa chỉ trụ sở: Số A đường V, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Công P, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Cchức V: Trưởng phòng kinh doanh. Ông C mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty cổ phần C1 chi; Cụm C - H, thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn T; chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023, tại bản tự khai và tại phiên tòa của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần X trình bày:

Ngày 01/6/2020, Công ty cổ phần X (Bên A) do ông Lương Công P1 vụ giám đốc, đại diện ký kết hợp đồng kinh tế 01/2020/HĐKT/LB-QA về việc mua bán xăng

không chì; xăng E2 RON 92; Đêzen, dầu nhớt các loại với Công ty cổ phần C2 (Bên B), do ông Lưu Văn T1 vụ: Tổng giám đốc làm đại diện, với nội dung như sau:

Theo hợp đồng, Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua xăng, dầu. Bên A phải cấp đúng chủng loại, tiêu chuẩn theo yêu cầu phù hợp với TCCS (Tiêu chuẩn cơ sở), TCVN (Tiêu chuẩn Quốc gia), Qhiện hành đối với từng loại nhiên liệu. Đơn giá là giá ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là: GTGT) trên cơ sở đơn giá do nhà nước quy định tại mọi thời điểm. Phương thức thanh toán: Bên A đồng ý cho bên B thanh toán tiền hàng sau khi Bên A giao hàng và Bên B nhận hàng và không chậm quá 20 ngày kể từ ngày hai bên giao nhận hàng. Tại hợp đồng các bên không thỏa thuận về phạt vi phạm; không thỏa thuận về lãi chậm thanh toán.

Quá trình thực hiện các đơn hàng, bên bán Công ty Cổ phần X đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và yêu cầu bên mua đã ký nhận đầy đủ với giá trị cung cấp và thanh toán cụ thể như sau:

Số dự đầu kỳ: 656.620.000 đồng; giá trị mua hàng phát sinh theo hợp đồng kinh tế 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 là: 1.363.616.200 đồng. Trong đó Công ty cổ phần C3 thanh toán được tổng số tiền là: 1.073.446.200 đồng; giá trị tiền hàng của hợp đồng kinh tế 01/2020/HĐKT/LB-QA còn lại chưa thanh toán là: 946.790.000 đồng.

Khi đến hạn thanh toán bên bán đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở yêu cầu bên mua thanh toán tiền hàng nhưng phía Công ty cổ phần C4 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng.

Công ty cổ phần X1 nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần C5 toán nợ nhưng đều không nhận được sự phản hồi cũng như lý do chính đáng về việc chậm thanh toán, không ký biên bản đối chiếu công nợ. Việc chậm thanh toán của Công ty cổ phần C3 gây ra rất nhiều khó khăn về tình hình kinh doanh và tài chính cho Công ty cổ phần X

Do đó, Công ty Cổ phần X2 cầu tòa án giải quyết:

Buộc Công ty cổ phần C6 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần X3 tiền: 946.790.000 đồng (Chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản gửi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B xác minh về tình trạng hoạt động của Công ty cổ phần C7 ngày 11/4/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở K xác định: Công ty cổ phần C8: 2300239586 được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở K cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh lần đầu ngày 07/8/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/12/2023; tổng giám đốc: Ông Lưu Văn T2 chỉ trụ sở công ty tại: Khu công nghiệp T, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Công ty cổ phần C9 hành lấy lời khai ông Lưu Văn T3 làm rõ một số nội dung của vụ án. Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho Công ty cổ phần C2 và mời ông Lưu Văn T4 trụ sở làm việc nhưng công ty C10 có ý kiến phản hồi, ông T5 hợp tác làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty cổ phần C6 có nghĩa vụ trả cho Công ty X3 tiền: 946.790.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần X2 cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần C6 trả số tiền 946.790.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*), theo Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 về việc mua bán xăng không chì; xăng E2 RON 92; Điêzen, dầu nhớt các loại. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo mục 7.2 của Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 các bên thỏa thuận “*Trường hợp không đạt được thỏa thuận thì một trong hai bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền tại TP Đà Nẵng giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Nguyên đơn Công ty cổ phần X4 trụ sở tại A đường V, phường H, quận C, TP Đ đồng được ký kết và thực hiện tại Công ty X, nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ để khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty cổ phần C2, người đại diện theo pháp luật là ông Lưu Văn T1 vụ: Tổng giám đốc, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty cổ phần C2.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty cổ phần X2 Tòa án buộc Công ty cổ phần C6 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần X3 tiền: 946.790.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Bị đơn Công ty cổ phần C3 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không có kiến phản hồi. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến nguyện vọng của bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020:

Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020, giữa Bên A (bên bán) Công ty cổ phần X5 bên B (Bên mua) Công ty cổ phần C11 các bên ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là xăng không chì các loại; Xăng E5 RON 92; dầu nhớt các loại. Theo nguyên đơn trình bày, Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 do người đại diện theo pháp luật của bên bán Công ty cổ phần X6 ông Lương Công P2 người đại diện theo pháp luật của bên mua Công ty cổ phần C12 ông Lưu Văn T6 kết. Tuy nhiên tại mục đại diện Bên B chỉ có chữ ký của Bên B nhưng không ghi họ tên người ký, không đóng dấu công ty Bên B là thiếu sót trong quá trình giao kết hợp đồng.

Theo bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán ngày 22/6/2020, thì các bên thống nhất xác định tính đến ngày 31/12/2019 Công ty cổ phần C13 nợ số tiền 656.620.000 đồng. Các bên thỏa thuận tính đến ngày 22/6/2020 thì Công ty Cổ phần C14 phải thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền: 656.620.000 đồng. Theo “*Lệnh thanh toán lệnh có*” của Ngân hàng N thể hiện, ngày 22/6/2020 Công ty cổ phần C3 thanh toán số tiền 656.620.000 đồng cho Công ty cổ phần X

Theo tài liệu do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B xác định ông Lưu Văn T7 người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần C2

Theo hồ sơ nguyên đơn cung cấp đối chiếu các hóa đơn, phiếu xuất kho hàng hóa và lệnh thanh toán; biên bản giao nhận hàng hóa; Lệnh thanh toán báo có của Ngân hàng thể hiện bên mua hàng Công ty cổ phần C1 có thanh toán tiền mua hàng

với số tiền phù hợp với các hóa đơn, số lượng hàng mà Công ty cổ phần X1 bán. Mặt khác Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho Công ty cổ phần C15 công ty không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mời ông Lưu Văn T - người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần C2 đến làm việc nhưng ông T không hợp tác, cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định ông Lưu Văn T8 đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần C12 người ký kết hợp đồng số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 với Công ty cổ phần X7 đại diện Công ty X8 bày là có cơ sở. Như vậy, Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 có đầy đủ điều kiện của hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật Thương mại và có tính pháp lý ràng buộc trách nhiệm của các bên giao kết hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Xbuộc Công ty cổ phần C6 trả số tiền 946.790.000 đồng.

Theo hồ sơ nguyên đơn cung cấp, sau khi ký hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020, Công ty cổ phần X9 bán hàng hóa là xăng, dầu các loại cho Công ty cổ phần C16 tổng số tiền là: 1.363.616.200 đồng; phía Công ty cổ phần C3 lần thanh toán cho Công ty X được số tiền là: 416.826.200 đồng. Tính đến ngày 31/12/2020 thì tổng số tiền còn lại mà Công ty cổ phần C2 chưa thanh toán là: 946.790.000 đồng, số tiền chưa thanh toán đã quá hạn theo quy định của hợp đồng, nguyên đơn Công ty cổ phần X1 nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bị đơn Công ty cổ phần C1 vẫn chưa thanh toán.

Xét thấy trình bày của nguyên đơn về số tiền hàng mà phía bị đơn chưa thanh toán là 946.790.000 đồng phù hợp với các hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với số lượng hàng hóa theo các phiếu xuất kho; biên bản giao nhận hàng hòa. Mặt khác bị đơn Công ty cổ phần C17 người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lưu Văn T9 nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả khoản tiền hàng này cho Công ty cổ phần X, nguyên đơn Công ty cổ phần X khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần C6 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần X3 tiền 946.790.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) là có cơ sở được nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần Công nghiệp C1 phải chịu: 40.403.700 đồng (*Bốn mươi triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần X3 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 117; 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Các điều 24, 50 Luật Thương mại;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

II. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X đối với bị đơn Công ty cổ phần C2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

1. Buộc Công ty cổ phần C6 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần X3 tiền nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01/2020/HĐKT/LB-QA ngày 01/6/2020 là: 946.790.000 đồng (*chín trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Công ty cổ phần C2 phải chịu: 40.403.700 đồng (*Bốn mươi triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, bảy trăm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 20.201.850 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm lẻ một nghìn, tám trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002780 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

Phan Văn Cường